

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Mận
Bà Trần Thị Kim Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 3, ấp 2B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Phan Hữu D, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 8, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu C trình bày: Chị và anh Phan Hữu D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn, đánh đập, chửi bới chị, sử dụng ma túy, không tôn trọng và hù dọa đòi giết chị và cha mẹ chị. Chị và anh D không còn sống

chung từ tháng 7/2020 đến nay. Từ khi không sống chung đến nay, anh D thường chửi mắng, hăm dọa chị, không hề có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 12/01/2014 và cháu Phan Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 10/8/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Phan Hữu D trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị C về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn.

Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị cãi vã nhau do mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh không hề đánh đập chị C, không hăm dọa bố mẹ và gia đình vợ, anh cũng không sử dụng ma túy như chị Cúc trình bày. Anh không đồng ý ly hôn với chị C vì anh còn rất thương vợ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị C trình bày. Anh không đồng ý giao hai con chung cho chị Cúc nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Cúc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Hữu D không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C. Chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn với anh Phan Hữu D. Về con chung: giao hai con chung cho chị C nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C và anh Phan Hữu D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Thu C khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn, đánh đập, chửi bới chị, sử dụng ma túy, không tôn trọng và hù dọa đòi giết chị và cha mẹ chị. Anh D không thừa nhận việc đánh đập chị C, không hăm dọa bố mẹ và gia đình vợ, anh cũng không sử dụng ma túy như chị C trình bày. Anh không đồng ý ly hôn với chị C nhưng anh cũng thừa nhận anh chị sống đến tháng 7/2020 thì hay cãi vã do mâu thuẫn trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa chị Cúc và anh D là có thật và đã được chính quyền địa phương xác nhận tại biên bản xác minh ngày 07/01/2021 (bút lục 21). Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung. Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Xét thấy, các đương sự thừa nhận sau khi anh D chị C không sống chung thì anh D là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương và nhà trường thì năm học 2020 - 2021 cháu Phan Tuấn A đã đến tuổi học lớp 1 anh D có cho cháu Phan Tuấn A đến nhập học lớp 1 tại trường tiểu học Nguyễn Viết E thuộc ấp 8, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai được 02 ngày nhưng sau đó anh D không cho cháu Phan Tuấn A đi học nữa, đại diện trường học của cháu và chính quyền địa phương đã gặp anh D vận động để cháu Tuấn A được đến trường nhưng anh D không đồng ý cho cháu đi học tiếp (bút lục 23-24). Việc anh D không cho cháu Phan Tuấn A đi học là không đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho con chung. Do vậy, cần giao cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 12/01/2014 cho chị C nuôi dưỡng nuôi dưỡng.

Cháu Phan Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 10/8/2016 là bé gái để đảm bảo sự

phát triển toàn diện về mọi mặt cho cháu cần giao cháu Y cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Cúc phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn với anh Phan Hữu D.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 12/01/2014 và cháu Phan Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 10/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu C không yêu cầu anh Phan Hữu D cấp dưỡng để nuôi con chung nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Anh Phan Hữu D được quyền thăm non con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thu C.

Chị Nguyễn Thị Thu C, anh Phan Hữu D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X theo

biên lai thu số 0004125 ngày 02/10/2020 được tính trừ vào án phí.

6. Chị Nguyễn Thị Thu C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Hữu D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh